

Số/ No.: 20230104/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kinh gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

Tại: Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants/ Investors*

- Tên quỹ ETF/ <i>ETF name:</i>	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ <i>Securities symbol:</i>	FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ: <i>Fund Management company:</i>	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank:</i>	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ <i>Exchange date:</i>	03/01/2023
- Đơn vị tính lô ETF/ <i>Unit:</i>	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the creation basket as follow:*

STT <i>No.</i>	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weight (%)</i>
I. Chứng khoán/ <i>Securities</i>			
1	ACB	3,800	9.87%
2	AGR	100	0.09%
3	BID	300	1.37%
4	BMI	100	0.25%
5	BSI	100	0.21%
6	BVH	100	0.55%
7	CTG	1,000	3.23%
8	CTS	100	0.15%
9	EIB	1,200	3.98%
10	FTS	100	0.22%
11	HCM	300	0.71%
12	HDB	2,300	4.35%
13	LPB	1,900	2.95%
14	MBB	3,300	6.69%
15	MIG	100	0.17%
16	MSB	2,300	3.41%
17	OCB	1,000	2.13%
18	ORS	200	0.21%
19	SHB	3,200	3.78%
20	SSB	2,100	8.19%
21	SSI	1,400	2.94%
22	STB	2,400	6.40%
23	TCB	3,000	9.19%
24	TPB	1,100	2.75%
25	VCB	700	6.64%
26	VCI	400	1.10%
27	VDS	100	0.09%
28	VIB	1,500	3.38%
29	VIX	600	0.46%
30	VND	1,200	1.92%
31	VPB	5,800	12.31%
II. Tiền/ <i>Cash</i>			
	Tiền/ <i>Cash</i> (VND)	1,510,398	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* (VND)

840,872,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* (VND)

842,382,398

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value:* (VND)

1,510,398



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	21,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	38,600	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	17,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
4	BVH	46,600	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	HDB	15,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	LPB	13,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	17,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MSB	12,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	OCB	18,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	TCB	25,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
11	TPB	21,050	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
12	VCB	80,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
13	VCI	23,250	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
14	VIB	19,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
15	VPB	17,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ <i>This period</i> (*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> (**)	Chênh lệch/ Difference
	03/01/2023	30/12/2022	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	7,700,000	7,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	8,570.00	8,420.00	150



Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	03/01/2023	30/12/2022	
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	64.863.444.676	64.866.370.315	(2,925,639)
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	842.382.398	842.420.393	(37,995)
của 1 CCQ/ per Share	8,423.82	8,424.20	(0,38)
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.544,40	1,488,35	56,05

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 02/01/2023

/ Item 5 is net asset value at 02/01/2023

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 29/12/2022

/ Item 5 is net asset value at 29/12/2022

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

